Mẫu CBTT-03 (sửa đổi)

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN VÀ VẬT LIỆU XÂY DỰNG LÂM ĐỒNG

17 B Phù Đổng Thiên Vương, Phường 8, Tp. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT

Năm 2009

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

STT	Nội dung	ĐVT	Số đầu kỳ	Số cuối kỳ
I	**Tài sản ngắn hạn**	Đồng	**71.940.084.227**	**76.538.440.658**
1	Tiền và các khoản tương đương tiền		17.325.854.932	17.848.408.144
2	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn		-	18.000.000.000
3	Các khoản phải thu ngắn hạn		34.208.788.998	20.935.586.327
4	Hàng tồn kho		15.466.771.157	17.833.958.138
5	Tài sản ngắn hạn khác		4.938.669.140	1.920.488.049
II.	**Tài sản dài hạn**	Đồng	**81.803.428.696**	**106.093.933.440**
1	Các khoản phải thu dài hạn			
2	Tài sản cố định		70.628.660.303	92.052.904.976
	- Tài sản cố định hữu hình		48.446.560.842	83.891.859.074
	- Tài sản cố định vô hình		1.900.370.683	1.637.865.040
	- Tài sản cố định thuê tài chính			
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		20.281.728.778	6.523.180.862
3	Bất động sản đầu tư			
4	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		8.418.700.000	8.418.700.000
5	Tài sản dài hạn khác		2.756.068.393	5.622.328.464
III	**TỘNG CỘNG TÀI SẢN**	Đồng	**153.743.512.923**	**182.632.374.098**
IV	**Nợ phải trả**	Đồng	**89.502.538.811**	**64.242.183.481**
1	Nợ ngắn hạn		47.173.351.449	40.368.469.312
2	Nợ dài hạn		42.329.187.362	23.873.714.169
V	**Vốn chủ sở hữu**	Đồng	**64.240.974.112**	**118.390.190.617**
1	Vốn chủ sở hữu		63.951.589.332	117.865.743.431
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		41.355.600.000	85.000.000.000
	- Thặng dư vốn cổ phần		13.910.464.220	21.378.566.720
	- Cổ phiếu quỹ		(2.425.234.557)	(2.425.234.557)
	- Chênh lệch đánh giá lại tài sản		-	-
	- Chênh lệch tỷ giá hối đoái		-	418.233.054
	- Quỹ đầu tư phát triển		4.334.615.931	5.363.307.954
	- Quỹ dự phòng tài chính		430.068.152	747.371.931
	- Quỹ khác của chủ sở hữu		-	-
	- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		6.346.075.586	7.383.498.329
	- Nguồn vốn đầu tư XDCB		-	-
2	Nguồn kinh phí và các quỹ khác		289.384.780	524.447.186
	- Quỹ khen thưởng phúc lợi		289.384.780	524.447.186
	- Nguồn kinh phí			
	- Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ			
VI	**TỘNG CỘNG NGUỒN VỐN**	Đồng	**153.743.512.923**	**182.632.374.098**

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Kỳ báo cáo	Lũy kế
1	Doanh thu hàng bán và cung cấp dịch vụ	Đồng	116.355.995.130	116.355.995.130
2	Các khoản giảm trừ doanh thu		158.604.321	158.604.321
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		116.197.390.809	116.197.390.809
4	Giá vốn hàng bán		78.647.648.298	78.647.648.298
5	LN gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		37.549.742.511	37.549.742.511
6	Doanh thu hoạt động tài chính		2.742.142.167	2.742.142.167
7	Chi phí tài chính		4.549.141.494	4.549.141.494
8	Chi phí bán hàng		12.944.864.055	12.944.864.055
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp		13.031.325.733	13.031.325.733
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động sản xuất kinh doanh		9.766.553.396	9.766.553.396
11	Thu nhập khác		297.908.927	297.908.927
12	Chi phí khác		542.064.293	542.064.293
13	Lợi nhuận khác		(244.155.366)	(244.155.366)
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		9.522.398.030	9.522.398.030
15	Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.632.007.582	1.632.007.582
16	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		7.890.390.448	7.890.390.448
17	Lãi cơ bản trên cổ phiếu		945	945
18	Cổ tức trên mỗi cổ phiếu		-	-

Đà Lạt, ngày 20 tháng 01 năm 2010

Người lập biểu **Kế Toán trưởng** **Giám đốc tài chính** **Tổng Giám Đốc**